

Bản án số: 2279/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Lê Hữu Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1797/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà M; Cư trú tại: Đường X, Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư H – VPLS L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Đường V, Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông T; HKTT: Đường Đ, phường A, quận K, Thành phố Hà Nội; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam S (Tổ 29, phân trại 2), Cục C10, Bộ Công an, huyện B, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà M trình bày: Bà và ông T là vợ chồng hợp pháp, đã đăng ký kết hôn ngày 26/6/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng tương đối hạnh phúc. Sau này, có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống vợ chồng, việc nuôi dạy, giáo dục con cái. Ngoài ra, hiện nay, ông T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S (Tổ 29, phân trại 2), Cục C10, Bộ Công an, huyện B, Thành phố Hà Nội nên vợ chồng sống ly thân khoảng 04 năm. Trong thời gian ông T bị giam giữ và chấp hành án, giữa vợ chồng phát sinh thêm những mâu thuẫn khác, tình cảm nhạt dần. Nay bà thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên N sinh ngày 26/10/2016, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/10/2022, bị đơn là ông T trình bày: Ông và bà M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 08/01/2019 là ngày ông bị bắt trong một vụ án, ông bị xử án 08 năm và hiện đang thụ án tại Trại giam S, Hà Nội. Từ ngày bị bắt, ông không có điều kiện chăm sóc gia đình, vợ chồng xa cách, tình cảm phai nhạt. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung tên N sinh ngày 26/10/2016, ông đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con vì điều kiện không cho phép.

Về tài sản chung: Ông khai không có.

Về nợ chung: Ông khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Bà M và ông T là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2019, khi bị đơn tạm giam và bị tuyên xử 08 năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 95/21/HSST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cho đến nay thì vợ chồng phải sống xa cách, cuộc sống thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, giữa vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm khiến vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên việc duy trì hôn nhân không còn ý nghĩa. Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu N sinh ngày 26/10/2016, hiện cháu đang ở với nguyên đơn tại Thành phố Hồ Chí Minh từ lúc sinh ra tới giờ, đã quen với môi trường sống, học tập, thầy cô bạn bè ở đây. Việc thay đổi mọi thứ (nếu có) một cách đột ngột và miễn cưỡng sẽ là một cú sốc đối với bé, gây ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển sau này của con. Hơn nữa, bị đơn đang chấp hành án phạt tù, cơ bản không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo. Theo bản tự khai của bị đơn ngày 06/10/2022, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn và giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ các lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn gửi Quyết định xét xử thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ

chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ đơn yêu cầu chọn Tòa án của ông T ngày 07/9/2022 có nội dung “bà M muốn nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM để giải quyết các nội dung tranh chấp. Tôi đồng ý chọn Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án ly hôn”. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 60/2016 ngày 16/6/2016 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau này, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và việc bị đơn hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S (Tổ 29, phân trại 2), Cục C10, Bộ Công an, huyện B, Thành phố Hà Nội khiến cho vợ chồng xa cách, tình cảm ngày càng phai nhạt. Trên thực tế, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân đến nay là khoảng 04 năm.

Nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Tại bản tự khai ngày 06/10/2022, bị đơn xác định từ ngày bị bắt không có điều kiện chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên N sinh ngày 26/10/2016. Xét yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử thấy, hiện nay, con chung đang do nguyên đơn chăm sóc và tại bản tự khai ngày 06/10/2022, bị đơn đồng ý giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ N. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[3.3]. Về tài sản chung: Bị đơn khai không có và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà M được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Giao trẻ N sinh ngày 26/10/2016 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T khai không có.

4. Về nợ chung: Bà M và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà M chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu số AA/2022/0013380 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

7. Về quyền kháng cáo: Bà M và ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường Y, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương